

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2021

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị T**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lương Văn C

2. Ông: Nguyễn Văn T

Thư ký tòa án ghi biên bản: Bà Lê Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn P - KSV

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2020/TLST- HNGĐ, ngày 01/12/2020 về việc “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST ngày 04/05/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá giữa:

Nguyên đơn: Chị Lâu Thị D , sinh ngày 20/ 10/1971

Bị đơn: Anh Thao Tông P , sinh năm 1973

Đều là người Dân tộc: Mông, làm nghề: Trồng trọt; HKTT và chỗ ở hiện tại: Bản Com, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Người phiên dịch cho nguyên đơn: Ông Lý Seo D , sinh ngày 10/10/ 1950

Dân tộc: Mông - Nghề nghiệp: Trồng trọt

Trú tại: Bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, chị Lâu Thị D trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 19/11/2020; Biên bản hòa giải ngày 04/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:*

Về hôn nhân: Chị và anh Thao Tông P tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, tự nguyện đến với nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian dài và có với nhau 09 con đứa con chung. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị tính tình không còn hợp nhau nữa, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh P hay bỏ nhà đi, không quan tâm và có trách nhiệm với gia đình vợ con. Đến cuối năm 2018 anh P đi cưới vợ khác và ra ở riêng cùng vợ mới và chúng tôi đã sống ly thân từ đó đến nay. Mẹ con chị vẫn ở nhà cũ tại bản Com, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Mặc dù anh P đã ra ngoài ở riêng với vợ mới cũng ở bản Com, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa nhưng thường xuyên đến gây sự, chửi bới chị, thậm chí còn đánh chị. Chị cảm thấy cuộc sống như vậy thật mệt mỏi và bế tắc, chị không còn tình cảm với anh P nữa và anh Pó cũng không còn tình cảm với chị nữa nên mới đi ở với người phụ nữ khác. Mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng không đạt được nên nguyện vọng của chị là muốn được chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Thao Tông P để giải thoát cho cả hai và yên tâm lo cho cuộc sống riêng của mình. Hiện tại chị hoàn toàn khỏe mạnh, không ốm đau, không có thai nghén gì.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 09 con chung, các cháu là: Thao Văn Đ , sinh năm 1990; Thao Văn T , sinh năm 1992; Cháu thứ ba là Thao Văn T , sinh năm 1994; Cháu thứ tư là Thao Văn T , sinh năm 1996; Cháu thứ năm là Thao Thị S , sinh năm 1998; Cháu thứ sáu là Thao Thị C , sinh năm 2000; Cháu thứ bảy là Thao Văn M , sinh năm 2002.

Hiện tại các cháu này đã có gia đình riêng. Còn hai cháu thứ tám và cháu thứ chín chưa có gia đình riêng, họ và tên là Thao Văn C , sinh ngày 16/6/2006 và Thao Văn L , sinh ngày 05/6/2008.

Hiện tại cháu Chá đang ở với anh P , còn cháu L đang ở với chị, các cháu đều khỏe mạnh, không ốm đau, bệnh tật gì. Chị có nguyện vọng là được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L cho đến khi cháu trưởng thành, còn anh P có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C cho đến khi cháu trưởng thành.

Về đóng góp nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ nần chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Thao Tông P trình bày tại Biên bản ghi lời khai đề ngày 02/3/2021 và Biên bản hòa giải ngày 04/3/2021:*

Về hôn nhân: Anh đồng ý lời trình bày của nguyên đơn là đúng về hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Theo anh, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân là do Anh nóng tính nên nói nặng lời với chị nhiều lần, chị không chịu được nên xin ly hôn, bản thân anh không còn tình cảm với chị D, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có 09 (Chín) con chung như chị D trình bày. Hiện tại các cháu lớn đã có gia đình riêng. Còn hai cháu Thao Văn C, sinh ngày 16/6/2006 và Thao Văn L, sinh ngày 05/6/2008. Hiện tại cháu C đang ở với tôi, còn cháu L đang ở với cô D, các cháu đều khỏe mạnh, không ốm đau, bệnh tật gì. Anh có nguyện vọng là được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C cho đến khi cháu trưởng thành, còn cô D có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận Đơn khởi kiện của chị Lâu Thị D. Do anh chị không có đăng ký kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp nên đề nghị HĐXX Tuyên: Không công nhận chị Lâu Thị D và anh Thao Tông P là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Thao Văn L, sinh ngày 05/6/2008 cho chị Lâu Thị D trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành; giao cháu: Thao Văn C, sinh ngày 16/6/2006 cho anh Pó trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành. Không ai được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho nhau, anh P, chị D không được ngăn cấm hoặc cản trở.

Về đóng góp nuôi con chung: Không ai phải đóng góp nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lâu Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Anh Thao Tông P, sinh năm 1973, chỗ ở hiện tại: Bản Cơm, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ điều 28, điều 35; điều 39 và điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo quy định tại khoản 7 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 bộ luật tố tụng dân sự thì chị Lâu Thị D là nguyên đơn, anh Thao Tông P là bị đơn.

[3]. Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:

- Về Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa thì người tiến hành tố tụng luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; cung cấp lời khai, xác minh tình trạng hôn nhân, xác minh địa chỉ đương sự, kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... Tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng.

- Về Người tham gia tố tụng: Các đương sự và người phiên dịch cho nguyên đơn luôn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[4]. Về hôn nhân: Chị Lâu Thị D và anh Thao Tông P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, được 2 bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán người dân tộc Mông địa phương, quá trình chung sống anh, chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền, hiện tại đã sống ly thân. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì thấy: Tại điểm b mục I Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình*

năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”

Như vậy chị D và anh P vi phạm quy định tại Điều 9 và điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh, chị mâu thuẫn, chị D có đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Lâu Thị D và anh Thao Tông P là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 14; Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không công nhận chị Lâu Thị D và anh Thao Tông P là vợ chồng.

[5] Về con chung: Giao cháu Thao Văn L , sinh ngày 05/6/2008 cho chị Lâu Thị D trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành; giao cháu: Thao Văn C , sinh ngày 16/6/2006 cho anh P trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành. Không ai được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho nhau, anh P , chị D không được ngăn cấm hoặc cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm và kháng cáo: Chị D có đơn xin được miễn án phí.

Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lâu Thị D được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn và nuôi con chung.

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

[9]. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 48; Điều 68; Điều 147; Điều 266; Điều 267; Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 11; Điều 14; Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm b mục I Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lâu Thị D và anh Thao Tông P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Thao Văn L, sinh ngày 05/6/2008 cho chị Lâu Thị D trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành; giao cháu Thao Văn C, sinh ngày 16/6/2006 cho anh P trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành. Không ai được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho nhau, anh P, chị D không được ngăn cấm hoặc cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâu Thị D được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh TH;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Pù Nhi, Mường Lát;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T